TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **15**/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 09 - 02 - 2018
"V/v tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Tuấn Quốc**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông (Bà): **Nguyễn Thị Hồng**.

2. Ông (Bà): **Lâm Nhật Phượng**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phan Thị Ngọc Diệp**

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ *tham gia phiên toà:* Không có

Trong ngày 09 tháng 02 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 132/2017/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp *ly hôn,* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **A**. sinh năm: 1996 (vắng mặt)
Địa chỉ: ấp B, xã C, huyện D, thành phố Cần Thơ.

2. Bị đơn: Ông **E**. sinh năm: 1966 (vắng mặt)
Địa chỉ: thành phố Đài Bắc, Lãnh thổ Đài Loan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 13/11/2017 và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nguyên đơn bà A trình bày và yêu cầu:*

Thông qua mai mối, bà và ông E tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân huyện D, thành phố Cần Thơ cấp giấy chứng nhận kết hôn số 62 ngày 03/5/2017. Vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng về ngôn ngữ, về quan điểm sống nên dẫn đến giữa vợ chồng không có sự tôn trọng lẫn nhau, không tìm được hạnh phúc. Từ đó bà quyết định ở lại Việt Nam, không sang Đài Loan đoàn tụ với chồng. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà làm đơn xin được ly hôn với ông E.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung, bà xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đồng thời bà cũng yêu cầu được giải quyết vắng mặt, cam đoan không có khiếu nại về sau.

- Bị đơn ông E vắng mặt, nhưng đã có Văn bản ngày 25/7/2017 thể hiện ý kiến đồng ý giải quyết ly hôn vắng mặt; về con cái, tài sản và nợ ông xác định không có đúng như bà A trình bày và đã được hợp pháp hóa lãnh sự tại thành phố Hồ Chí Minh ngày 16/8/2017.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Các bên đương sự đã tự khai và đồng ý ly hôn, cùng xác định không có tài sản, con cái và nợ, vì vậy Tòa án không có thu thập chứng cứ; đồng thời cả hai bên đều có yêu cầu được giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 21; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự và không có đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia.

[2] Bà A và ông E xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Do đó hôn nhân của ông bà được xác định là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ và điều chỉnh. Do ông E là người mang quốc tịch và hiện đang định cư tại Đài Loan nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ theo quy định tại Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. và Điều 123 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Theo bà A, thông qua mai mối bà đã tiến đến hôn nhân ông E. Sau khi cưới ông bà chung sống với nhau tại Việt Nam chỉ thời gian ngắn thì ông E về Đài Loan và đến nay không quay trở lại, cũng không còn liên lạc gì với bà. Điều này cho thấy hệ quả của một cuộc hôn nhân vội vàng và cơ bản là không xuất phát trên cơ sở tình yêu thương chân chính, không nhằm mục đích xây dựng hôn nhân thực thụ để thực hiện trọn vẹn đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của vợ chồng nhằm vun bồi, bảo tồn hạnh phúc. Vì thế động lực để duy trì tình cảm vợ chồng không có, hạnh phúc không đạt được, dẫn đến hôn nhân đỗ vỡ là điều tất yếu.

Mặt dù ông E vắng mặt, nhưng cũng đã thể hiện ý chí nguyện vọng thông qua Văn bản thể hiện ý kiến đồng ý việc giải quyết ly hôn vắng mặt ông. Vì vậy yêu cầu ly hôn của bà A là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về con cái, tài sản và nợ chung: hai bên thống nhất xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên không điều chỉnh.

[5] Về nghĩa vụ chịu án phí: Do đây là vụ án xin ly hôn, nên nguyên đơn bà A phải chịu án phí theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 123; khoản 1 Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Các Điều 28, Điều 37, Điều 228; khoản 1 Điều 273; khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử: *Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà A.*

- Về hôn nhân: Cho bà A được ly hôn với ông E.

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà A và ông E xác định không có, nên không điều chỉnh.

- Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà A phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số AA/2013/000444 ngày 14/11/2017 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ. Bà A đã nộp xong án phí.

Bà A có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Ông E có quyền kháng cáo trong hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Trần Tuấn Quốc

Nơi nhận:
- Các đương sự.
- VKSND.TPCT.
- Cục THA.TPCT.
- UBND huyện D. TPCT
- Lưu (HS - 2b)

Hội thẩm nhân dân **Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Thị Hồng **Lâm Nhật Phượng** **Trần Tuấn Quốc**